

Số: /2022/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số Quy định ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình thuộc lĩnh vực đất đai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 638/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Công văn số 586/STNMT-QLĐĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức đất ở được bố trí tái định cư tại chỗ, suất tái định cư tối thiểu, ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Sửa đổi, bổ sung tên gọi của Quy định như sau:

“Điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức đất ở được bố trí tái định cư tại chỗ, suất tái định cư tối thiểu”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở của mỗi hộ gia đình, cá nhân.”.

3. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề của Chương II như sau:

## **“Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT VÀ DIỆN TÍCH TỐI THIỂU ĐƯỢC TÁCH THỬA ĐỐI VỚI ĐẤT Ở”**

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

#### **“Điều 3. Điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất**

1. Điều kiện tách thửa đất

a) Việc tách thửa đất phải đảm bảo quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề theo quy định tại Điều 171 Luật Đất đai năm 2013;

b) Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Thửa đất mới hình thành sau khi tách thửa (sau khi trừ diện tích thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ) không nhỏ hơn diện tích, kích thước tối thiểu tại Điều 4 của Quy định này.

2. Điều kiện hợp thửa đất

a) Các thửa đất khi hợp thửa phải liền kề nhau, cùng mục đích sử dụng đất;

b) Trường hợp hai thửa đất đã có Giấy chứng nhận nhưng chưa đảm bảo kích thước, diện tích theo quy định tại Điều 4 của Quy định này thì được thực hiện hợp thửa;

3. Quy định này không áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Các trường hợp đã có quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch phân lô xây dựng của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các trường hợp khác không nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Diện tích thửa đất tối thiểu được phép tách thửa**

Thửa đất mới hình thành từ việc tách thửa phải lớn hơn hoặc bằng diện tích tối thiểu theo từng trường hợp sau đây:

1. Đối với đất ở tại đô thị tại các phường của thành phố Hòa Bình và các thị trấn của các huyện: diện tích  $\geq 36,0 \text{ m}^2$ , chiều rộng mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông  $\geq 3,0 \text{ m}$ , chiều sâu thửa đất  $\geq 3,0 \text{ m}$ .

2. Đối với đất ở tại các xã thuộc các huyện và các xã thuộc thành phố Hòa Bình, diện tích  $\geq 50,0 \text{ m}^2$ , chiều rộng mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông  $\geq 4,0 \text{ m}$ , chiều sâu thửa đất  $\geq 4,0 \text{ m}$ .

3. Trường hợp thửa đất mới tách là thửa đất đa mục đích thì phần diện tích đất ở phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trường hợp đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thì diện tích tách thửa để chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tối thiểu thực hiện theo quy định tại Điều 4.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Trường hợp các thửa đất sau khi thu hồi, diện tích còn lại không đáp ứng các yêu cầu tại Điều 4 Quy định này được Nhà nước thu hồi đất. Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất được tính trong kinh phí bồi thường của dự án đang triển khai thực hiện.

Quỹ đất sau thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi để quản lý thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 14a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ).”.

8. Bổ sung khoản 3a Điều 11 như sau:

“3a. Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở hoặc bằng tiền

a) Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở thì diện tích đất ở tái định cư không nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa tại Điều 4 Quy định này;

b) Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho suất tái định cư tối thiểu tương đương với giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở.”.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 8 Quy định hạn mức giao đất ở mới, hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, hạn mức giao đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp,**

**nuôi trồng thủy sản, ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:**

“2. Trường hợp hộ gia đình sử dụng đất có từ năm (05) nhân khẩu trở lên (số nhân khẩu chỉ tính trong hộ gia đình có cùng một sổ hộ khẩu) thì từ nhân khẩu thứ 5 trở lên, mỗi nhân khẩu được cộng thêm diện tích bằng không phẩy hai (0,2) lần hạn mức diện tích công nhận đất ở theo số lượng nhân khẩu tại khoản 1, Điều này.

3. Trường hợp diện tích thửa đất ở có vườn, ao hộ gia đình đang sử dụng thực tế nhỏ hơn hạn mức diện tích công nhận đất ở theo số lượng nhân khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì diện tích đất ở được công nhận là toàn bộ diện tích thực tế đang sử dụng; trường hợp diện tích thửa đất ở có vườn, ao hộ gia đình đang sử dụng thực tế lớn hơn hạn mức diện tích công nhận đất ở theo số lượng nhân khẩu quy định tại khoản 1 và 2 Điều này thì diện tích đất ở được công nhận bằng mức diện tích công nhận đất ở theo số lượng nhân khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, diện tích còn lại được xác định sử dụng vào mục đích hiện trạng đang sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013.”.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung cụ thể tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 năm 01 năm 2017 của Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về:

1. Điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối với các thửa đất có mục đích sử dụng ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Cụ thể:

a) Đất nông nghiệp;

b) Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

3. Quyết định này không áp dụng cho các trường hợp không nêu tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

4. Phương thức góp quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013.

5. Thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng đối với các trường hợp quy định tại mục 7, mục 8, khoản 36, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 51 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. ” .

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất, diện tích thửa đất tối thiểu được phép tách thửa**

1. Điều kiện tách thửa đất

a) Thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai và còn thời hạn sử dụng đất;

b) Thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại sau khi tách thửa phải đảm bảo yêu cầu về diện tích theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Điều kiện hợp thửa đất

a) Các thửa đất khi hợp thửa phải liền kề nhau, cùng mục đích sử dụng đất, còn thời hạn sử dụng đất;

b) Trường hợp hai thửa đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa đảm bảo kích thước, diện tích theo quy định tại khoản 3 Điều này thì được thực hiện hợp thửa;

c) Trường hợp thửa đất đa mục đích hợp với thửa đất khác thì phải có một trong các mục đích sử dụng đất của thửa đa mục đích;

d) Các trường hợp khác không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

3. Diện tích thửa đất tối thiểu được phép tách thửa

Thửa đất mới hình thành từ việc tách thửa phải lớn hơn hoặc bằng diện tích tối thiểu theo từng trường hợp sau đây:

a) Đối với các loại đất thuộc nhóm đất nông nghiệp

Đất sản xuất nông nghiệp; đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác, diện tích sau khi tách thửa là 100,0 (một trăm) mét vuông.

Đất lâm nghiệp: 3.000,0 (ba nghìn) mét vuông.

b) Đối với các loại đất thuộc nhóm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

Đất thương mại, dịch vụ: Tại các phường, thị trấn không nhỏ hơn 100,0 (một trăm) mét vuông và đảm bảo kích thước chiều rộng tiếp giáp đường giao thông và chiều sâu của các thửa đất sau khi tách không nhỏ hơn 04 m (bốn mét); tại các xã không nhỏ hơn 200,0 (hai trăm) mét vuông và đảm bảo kích thước chiều rộng tiếp giáp đường giao thông và chiều sâu của các thửa đất sau khi tách không nhỏ hơn 06 m (sáu mét).

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Tại các phường, thị trấn không nhỏ hơn 500,0 (năm trăm) mét vuông và đảm bảo kích thước chiều rộng tiếp giáp đường giao thông và chiều sâu của các thửa đất sau khi tách không nhỏ hơn 08 m (tám mét); tại các xã không nhỏ hơn 1.000,0 (một nghìn) mét vuông và đảm bảo kích thước chiều rộng tiếp giáp đường giao thông và chiều sâu của các thửa đất sau khi tách không nhỏ hơn 10 m (mười mét).

c) Các trường hợp còn lại, diện tích tối thiểu của thửa đất sau khi tách thửa thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Quy định này, trừ trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì thực hiện theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

3. Bổ sung Điều 5a như sau:

**“Điều 5a. Việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý, việc lấy ý kiến người dân và công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp tại địa phương để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề thuê trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

1. Định kỳ 06 tháng một lần, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, tổng hợp danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Trong đó tiêu chí về diện tích, hình dạng phải đảm bảo không đủ tiêu chuẩn điều kiện tách thửa theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

Trên cơ sở kết quả rà soát, tổng hợp các thửa đất nhỏ hẹp, căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, mục đích sử dụng đất hiện trạng và mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của các thửa đất liền kề, tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất phương án sử dụng đối với từng thửa đất cụ thể để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề (thửa đất nhỏ hẹp dự kiến giao đất, cho thuê đất và thửa đất liền kề phải cùng một mục đích theo quy hoạch để có thể hợp lại thành một thửa sau khi giao, thuê, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại tiết a điểm 2.3 khoản 2 Điều 8 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính). Phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp phải thể hiện các nội dung: số tờ bản đồ; số thửa; diện tích; loại đất hiện trạng; người sử dụng đất liền kề; dự kiến mục đích sử dụng đất mới; hình thức giao đất, cho thuê đất; giá đất (tạm tính).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công bố công khai danh mục, phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp tại địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến người dân trong thời gian ít nhất 15

ngày (có biên bản niêm yết và kết thúc công khai); gửi văn bản xin ý kiến của người sử dụng đất liền kề. Kết thúc thời gian công bố công khai, căn cứ ý kiến của người dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, hoàn thiện phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp vào mục đích công cộng hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề; trả lời bằng văn bản các ý kiến của người dân niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi có đất, địa chỉ người sử dụng đất liền kề về các kiến nghị liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất của các thửa đất liền kề (nếu có); báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 01 tháng 5 và trước ngày 01 tháng 10 hàng năm để xem xét, tổng hợp vào danh mục dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trường hợp phải thu hồi; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng) và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

3. Sau khi kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức việc giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Trước khi giao đất, cho thuê đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho các hộ liền kề biết kế hoạch, chủ trương và hình thức giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp.”.

#### **Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

Hồ sơ tách thửa (hoặc hợp thửa) đã nộp tại Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung cụ thể tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức đất ở được bố trí tái định cư tại chỗ, suất tái định cư tối thiểu và các quy định khác có liên quan.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2022.
2. Quyết định này bãi bỏ:

a) Điều 5; điểm a khoản 5 Điều 6; Điều 7, Điều 8; khoản 1, khoản 2 Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở, hạn mức đất ở được bố trí tái định cư tại chỗ, suất tái định cư tối thiểu;

b) Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định hạn mức giao đất ở mới, hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, hạn mức giao đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

c) Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định một số nội dung cụ thể tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ;

d) Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy chế phối hợp quản lý các hoạt động trong thực hiện dự án sử dụng, khai thác, chế biến, kinh doanh tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

đ) Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc quy định hỗ trợ thủ tục hành chính cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức hiến trả đất để xây dựng công trình phúc lợi công cộng xã hội.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh Hòa Bình;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (PMD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**